



bǐ jī ní
比基尼

noun · bikini (swimsuit)

Example Sentences

tā zài hǎi tān shàng chuān le yī jiàn hóng sè de bǐ jī ní
她在海滩上穿了一件红色的比基尼。

She wore a red bikini on the beach.

bǐ jī ní zài èr shí shì jì zhōng qī kāi shǐ liú xíng
比基尼在二十世纪中期开始流行。

Bikinis became popular in the mid-twentieth century.

Trace each character, then write the word on your own.

比	比	比	比	比	比	比				
基	基	基	基	基	基	基	基	基	基	基
基	基	基								
尼	尼	尼	尼	尼	尼	尼	尼			